

BÁO CÁO **TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019**

Năm 2019 là năm thứ tư và là năm nước rút của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020). Trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và không ít những khó khăn, song với phương châm “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bút phá, hiệu quả*”. Ngay từ đầu năm, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ/CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, đồng thời ban hành các chương trình hành động, văn bản chỉ đạo cụ thể, tăng cường đổi mới, sáng tạo, quyết liệt hành động trong thực hiện nhiệm vụ, tạo chuyên biến mạnh mẽ, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực. Tuy vậy, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019 cho thấy, kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp phải những khó khăn như: giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh xuống thấp (hồ tiêu), giá cao su chậm phục hồi, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, mưa to kèm lốc xoáy; tình hình dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra trên địa bàn tỉnh. Nhưng với sự vào cuộc mạnh mẽ, chung sức, đồng lòng của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, đưa kinh tế - xã hội tỉnh nhà tiếp tục ổn định và đạt mức tăng trưởng khá cao so với cùng kỳ.

Trên cơ sở rà soát kết quả thực hiện 11 tháng, Cục Thống kê tỉnh Bình Phước ước tính tháng 12, tổng hợp chung kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu cả năm 2019 như sau :

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 ước 39.653,4 tỷ đồng, tốc độ phát triển của GRDP tăng 8,48% so cùng kỳ năm trước.

- GRDP bình quân đầu người ước đạt 62,01 triệu đồng/người/năm, tăng 12,36% so với cùng kỳ năm 2018.

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện năm 2019 là 9.054 tỷ đồng, tăng 9,36% so với năm 2018.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 55.969 tấn, bằng 94,77% so với cùng kỳ năm 2018.

- Ước cả năm 2019 tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 12.634,8 tỷ đồng, tăng 8,44% so với cùng kỳ năm trước.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ năm 2019 ước thực hiện 47.911,3 tỷ đồng, tăng 11,52% so với cùng kỳ năm trước.

- Cả năm giải quyết việc làm cho 43.590 lao động; đào tạo nghề cho 7.749 lao động.

- Năm 2019 thu hút được 43 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động với tổng vốn đăng ký là 304,7 triệu USD.

Kết quả đạt được trên các ngành, lĩnh vực cụ thể:

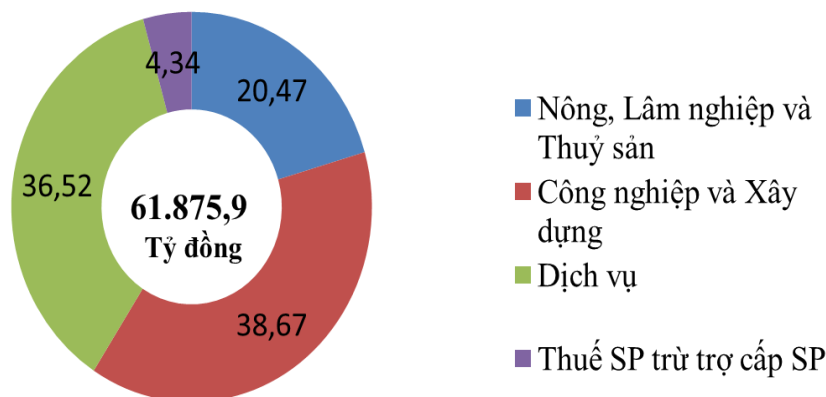
I. KINH TẾ

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh 2010 ước thực hiện năm 2019 đạt 39.653,4 tỷ đồng, tăng 8,48% so cùng kỳ năm trước. Chia ra: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 11.992,2 tỷ đồng, tăng 5,49%; khu vực công nghiệp và xây dựng 11.295,2 tỷ đồng, tăng 17,11%; khu vực dịch vụ 14.588,8 tỷ đồng, tăng 5,22% và thuế sản phẩm 1.777,2 tỷ đồng, tăng 5,99%. Kết quả tăng trưởng khẳng định tính kịp thời và hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng khá cao năm 2019. Trong mức tăng 8,48% chung của toàn tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,49%, đóng góp 2,56 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 17,11%, đóng góp 2,42 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,22%, đóng góp 3,12 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,99%, đóng góp 0,38 điểm phần trăm.

Về cơ cấu tổng sản phẩm trong năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 20,47% GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,67%; khu vực dịch vụ chiếm 36,52%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,34% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 22,68%; 34,13%; 38,64%; 4,55%).

Qui mô và cơ cấu tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP)
(ĐVT: Tỷ đồng, %)



GRDP bình quân đầu người ước đạt 62,01 triệu đồng/người/năm, tăng 12,36% so với cùng kỳ năm 2018.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 gặp nhiều khó khăn do tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới việc gieo trồng cũng như năng suất và sản lượng cây trồng, dịch tả lợn Châu Phi lây lan trên diện rộng với tổng số lợn tiêu hủy chiếm khoảng 2,5%/tổng đàn. Tuy nhiên, Tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt kết hợp với chủ động trong công tác quản lý điều hành, cùng sự nỗ lực của các thành phần kinh tế nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh có mức tăng trưởng cao so với năm 2018.

2.1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

Cây hàng năm:

Sơ bộ năm 2019, cây hàng năm toàn tỉnh gieo trồng được 34.159 ha, giảm 9,53% so cùng kỳ năm trước. Chia ra:

+ Nhóm cây lúa gieo trồng đạt 11.520 ha, giảm 4,63% so với cùng kỳ (trong đó: lúa Đông Xuân 3.347 ha, giảm 3,07%; lúa Mùa 8.173 ha, giảm 5,25%); năng suất đạt 35,63 tạ/ha, sản lượng đạt 41.050 tấn (giảm 3,67% so cùng kỳ);

+ Nhóm cây bắp và cây lương thực có hạt gieo trồng được 3.889 ha, giảm 7,44% so cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích gieo trồng bắp đạt 3.889 ha, giảm 7,38% so với cùng kỳ năm trước; năng suất đạt 38,37 tạ/ha, sản lượng đạt 14.919 tấn (giảm 9,22% so cùng kỳ năm trước);

+ Nhóm cây lấy củ có chất bột 11.146 ha, giảm 23,12% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, khoai lang 552 ha, tăng 4,35%, năng suất đạt 50,88 tạ/ha, sản lượng đạt 2.808 tấn, tăng 8,80% so cùng kỳ năm trước; cây khoai mì 10.330 ha, giảm 24,12%, năng suất đạt 206,13 tạ/ha, sản lượng đạt 212.928 tấn, giảm 34,99% so cùng kỳ năm trước;

+ Mía 237 ha, giảm 0,61% so cùng kỳ;

+ Nhóm cây có hạt chứa dầu: 305 ha, giảm 31,23% so cùng kỳ (trong đó: đậu nành 27 ha, giảm 19,1%; đậu phộng 203 ha, giảm 16,68%);

+ Nhóm cây rau đậu, hoa, cây cảnh 5.182 ha, tăng 7,44% so cùng kỳ (trong đó: rau các loại 4.555 ha, tăng 7,01% so cùng kỳ; đậu các loại 585 ha, tăng 10,33% so cùng kỳ);

+ Nhóm cây hàng năm khác 1.881 ha, tăng 27,65% so với cùng kỳ.

Nhìn chung cây hàng năm, năm 2019 giảm mạnh so cùng kỳ, nguyên nhân do các loại cây này những năm trước trồng xen cây công nghiệp lâu năm (cao su, điều) nhưng đến nay các cây công nghiệp bắt đầu cho sản phẩm, độ

che phủ cao nên không thể trồng xen cây hàng năm được; do diện tích đất nông nghiệp bị quy hoạch nên thu hẹp lại.



Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2019 đạt 55.969 tấn, giảm 5,23% so với cùng kỳ năm 2018.

Cây lâu năm:

Sơ bộ năm 2019 toàn tỉnh hiện có 423.970 ha cây lâu năm, tăng 0,91% so cùng kỳ. Trong đó:

- Cây ăn quả các loại hiện có 11.795 ha, tăng 15,88% (+1.617 ha) so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Diện tích cây sầu riêng 2.129 ha, tăng 33,92% so cùng kỳ; sản lượng đạt 7.340 tấn, tăng 40,86% so cùng kỳ;

+ Diện tích cây xoài 534 ha, giảm 8,87% so cùng kỳ; sản lượng đạt 2.743 tấn, giảm 6,41% so cùng kỳ;

+ Diện tích cây quýt 1.406 ha, giảm 8,16% so cùng kỳ; sản lượng đạt 8.562 tấn, tăng 24,85% so cùng kỳ;

+ Diện tích cây chuối 770 ha, tăng 15,44% so cùng kỳ; sản lượng đạt 6.855 tấn, tăng 27,49% so cùng kỳ.

Diện tích cây ăn quả tăng là do chuyển đổi một phần từ đất cây hàng năm và một số cây lâu năm có hiệu suất đầu tư cao nhưng mang lại hiệu quả thấp.

- Đối với cây công nghiệp lâu năm hiện có 411.611 ha, tăng 0,60% so cùng kỳ. Bao gồm:

+ Diện tích cây điều 137.368 ha, giảm 0,58% cùng kỳ; sản lượng đạt 140.688 tấn, tăng 11,89% so cùng kỳ. Sản lượng cây điều tăng do thời tiết năm nay thuận lợi ít mưa vào kỳ ra bông; mặt khác những năm trước bị bệnh bọ xít, muỗi gây hại nay đã phục hồi trở lại sau thời gian mất mùa liên tục.

+ Diện tích cây cao su 241.014 ha, tăng 1,47% so cùng kỳ; sản lượng đạt 365.696 tấn, tăng 2,83% so cùng kỳ;

+ Diện tích cây hồ tiêu 17.198 ha, tăng 1,24% so cùng kỳ; sản lượng đạt 30.076 tấn, tăng 23,74% so cùng kỳ;

+ Diện tích cây cà phê 15.031 ha, giảm 3,04% so cùng kỳ; sản lượng đạt 31.828 tấn, giảm 0,63% so cùng kỳ.



Nhìn chung diện tích các loại cây công nghiệp lâu năm, năm 2019 tương đối ổn định, riêng cây cà phê do thời tiết, dịch bệnh và giá cả không ổn định người dân ít đầu tư nên diện tích giảm so cùng kỳ.

Công tác bảo vệ thực vật: Đã được các cấp, các ngành quan tâm do đó tình hình sâu bệnh trên các loại cây trồng đều ở mức hại nhẹ ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng và phát triển cây trồng, cụ thể:

+ Diện tích khoai mỳ là 10.330 ha trong đó diện tích nhiễm 399,5 ha (huyện Chơn Thành 220 ha, Đồng phú 70 ha và Bù Đăng 2,5 ha). Giống mỳ bị nhiễm bệnh nặng chủ yếu trên giống HL-S11, HL-S12 và nhiễm nhẹ trên giống KM 419; các giống chưa nhiễm gồm: KM 94, KM 140.

+ Cây bắp ước gieo trồng 3.889 ha, hiện nay diện tích sâu keo gây hại là 55,4 ha, nặng 17,4 ha (huyện Đồng Phú là 43,5 ha, mức độ gây hại nặng là 15,5 ha; huyện Chơn Thành là 11,9ha, mức độ gây hại nặng là 1,9 ha).

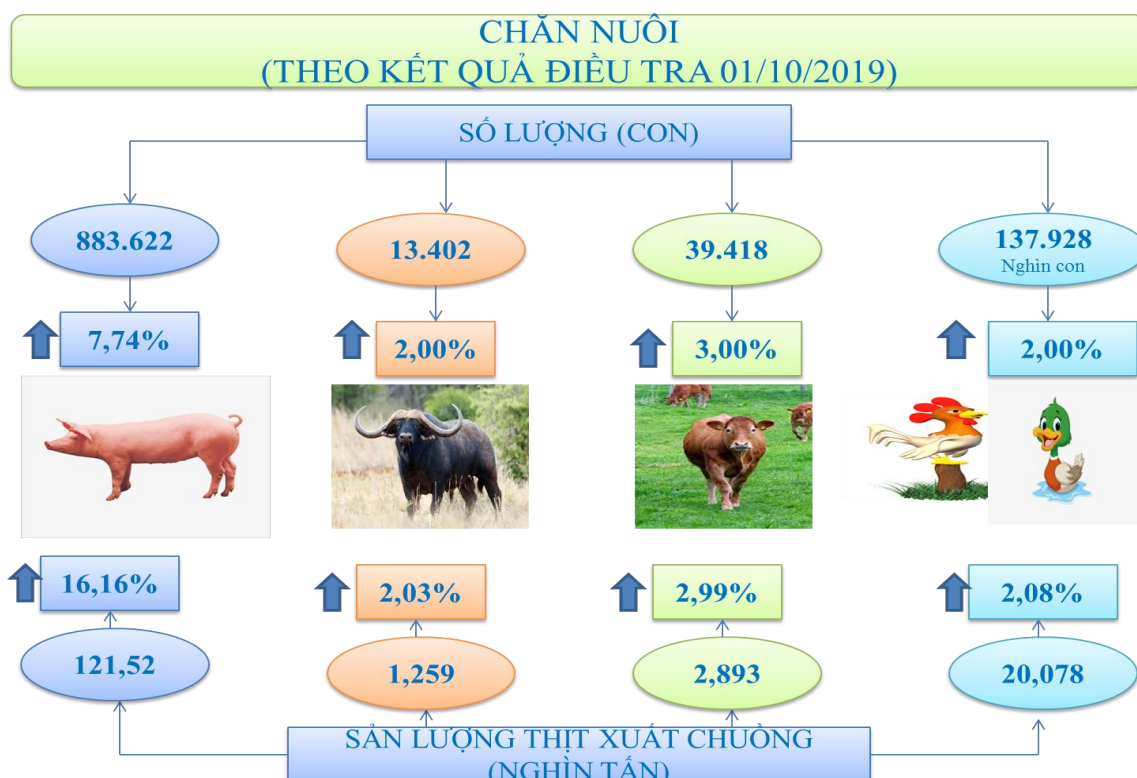
+ Cây hồ tiêu: Bệnh tuyến trùng diện tích nhiễm 892 ha; trong đó nặng 887,8 ha, trung bình 0 ha, nhẹ 5 ha. Bệnh chết chậm tổng diện tích nhiễm 339 ha. Trong đó nhẹ 339 ha; Bệnh thán thư: Tổng diện tích nhiễm 10 ha. Trong đó nhẹ 10 ha.

+ Cây điều: Bọ xít muỗi diện tích bị hại 365 ha; trong đó nặng 0 ha, trung bình 243 ha, nhẹ 121 ha; Sâu đục thân diện tích bị hại 85 ha; trong đó nặng 0 ha, trung bình 0 ha, nhẹ 85 ha.

b. Chăn nuôi

Mặc dù trong năm tình hình dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra ở hầu hết các huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh, nhưng nhờ chủ động trong công tác phòng chống dịch nên tác hại xảy ra không lớn, chủ yếu ảnh hưởng đến các nông hộ nuôi nhỏ lẻ, còn các gia trại, công ty, trang trại chăn nuôi được kiểm soát nghiêm ngặt vì vậy tổng đàn gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác trên toàn tỉnh phát triển tương đối ổn định.

Tổng đàn trâu hiện có 13.402 con, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018; số con xuất chuồng là 5.036 con, tăng 2,01%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.259 tấn, tăng 2,03%. Đàn bò hiện có 39.418 con, tăng 3%; số con xuất chuồng là 16.685 con, tăng 3%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.893 tấn, tăng 2,99%. Đàn heo ước hiện có 883.622 con, tăng 7,74%; số con xuất chuồng 1.279,135 ngàn con, tăng 16,16%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 121.518 tấn, tăng 16,16%; Đàn gia cầm hiện có 5.463 ngàn con, tăng 1,88%; sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng 20.078 tấn, tăng 2,08% so cùng kỳ. Nhìn chung sản phẩm chăn nuôi năm 2019 đều tăng so với cùng kỳ. Ngành chăn nuôi có dấu hiệu phục hồi khá nhanh nhất là ở loại hình gia trại, trang trại và doanh nghiệp, trong đó: chăn nuôi trâu, bò nhìn chung ổn định; chăn nuôi lợn có dấu hiệu tái đàn khi giá thịt hơi đang tăng lên.



Tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm

Theo báo cáo của ngành Nông nghiệp, trong năm 2019, tình hình dịch bệnh trên đàn gia cầm, đàn trâu bò ổn định, không xuất hiện các các loại dịch bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, lở mồm long móng trâu bò. Tuy nhiên trên

đàn heo đã bị mắc dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh có diễn biến phức tạp và gây thiệt hại về kinh tế.

Tính đến ngày 16/12/2019, tổng đàn lợn chết và tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn châu phi là 21.649 con/ 1.424 hộ/ 99 xã/11huyện, trọng lượng tiêu hủy là 1.133.149,6 kg. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã chi trả đợt I/2019(từ đầu năm đến 26/6/2019) để hỗ trợ cho các hộ dân có lợn mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi với số tiền 8.946.000.000đ; Đợt II (từ 27/6/2019 đến nay) hỗ trợ người dân thiệt hại bệnh dịch tả lợn Châu Phi với số tiền 30.748.000.000đ. Hiện nay dịch bệnh cơ bản được khống chế.

Ngành Nông nghiệp phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tiêm vắc xin phòng bệnh cho gia súc 02 đợt/năm cho đàn gia súc, gia cầm với các bệnh tụ huyết trùng và lở mồm long móng trâu, bò; bệnh cúm gia cầm; bệnh dại chó mèo; bệnh dịch tả heo cổ điển và giám sát tiêm phòng tại các trang trại chăn nuôi. Tổ chức thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi 2 đợt/năm theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và các cơ sở chăn nuôi chủ động thực hiện vệ sinh, tiêu độc khử trùng hàng tuần đảm bảo vệ sinh thú y theo sự hướng dẫn và giám sát của cơ quan thú y.

2.2. Lâm nghiệp

Năm 2019, diện tích rừng trồng mới tập trung toàn tỉnh trồng được 660 ha rừng sản xuất, tăng 5,1% (+32 ha) so với cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác đạt 11.300 m³, sản lượng củi khai thác ước đạt 1.580 ster.

Lâm nghiệp trong năm phát triển ổn định, công tác tuần tra , kiểm tra, quản lý bảo vệ , chăm sóc rừng được thực hiện thường xuyên , tình hình chặt phá lấn chiếm đất rừng không còn xảy ra. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện tốt, mặt khác năm nay mưa nhiều nên từ đầu năm đến nay không xảy ra cháy rừng. Tình hình vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản: Tổng số vụ vi phạm là 85 vụ giảm 68 vụ so với cùng kỳ năm trước, đã xử lý 87 vụ (bao gồm các vụ tồn của năm 2018 chuyển sang) và 01 vụ xử lý hình sự, tổng số tiền thu nộp ngân sách: 637,7 triệu đồng.

Công tác phát triển rừng: Đã hoàn thành công tác giao nhận cây giống cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh với tổng số lượng 40.706 cây các loại, bao gồm: 5.715 cây Dầu rái, 7.163 cây Sao đen, 1.811 cây Xà cừ, 2.506 cây Gõ đỏ, 5.930 cây Giá ty, 2.982 cây Giáng hương, 4.014 cây Cẩm lai, 6.152 cây Sưa đỏ, 1.125 cây Gáo vàng và 2.308 cây Keo lai.

2.3. Thủy sản

Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của tỉnh Bình Phước rất nhỏ và đang có xu hướng ngày càng bị thu hẹp do đô thị hóa ngày càng cao. Sản lượng thủy sản năm 2019 ước đạt 5.276 tấn, giảm 0,77% so cùng kỳ, trong đó thủy sản khai thác 360 tấn, giảm 1,37% so cùng kỳ, thủy sản nuôi trồng 4.916 tấn giảm 0,69%. Trong năm không xảy ra dịch bệnh. Đến nay trên địa bàn tỉnh có khoảng 22 cơ sở kinh doanh giống thủy sản, 40 hộ ngư dân đang nuôi thủy sản

trong lồng, bè trên hồ chứa với khoảng 160 lồng (giảm 53 lồng so với năm 2018).



2.4. Về nông thôn mới

Tỉnh đã xây dựng và hoàn thành 1000km đường giao thông nông thôn. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới ước thực hiện có 13/13 xã về đích nông thôn mới năm 2019. Tính đến cuối tháng 12 năm 2019 toàn tỉnh có 48 xã đạt cả 19 tiêu chí, đạt tỷ lệ 53,3% (đã công nhận 35 xã, số xã còn lại đang được thẩm định); 8 xã đạt từ 15-18 tiêu chí; 29 xã đã đạt từ 10-14 tiêu chí và 5 xã đạt từ 5-9 tiêu chí. Có 02 thị xã Bình Long, Phước Long và thành phố Đồng Xoài hoàn thành nông thôn mới.

3. Sản xuất công nghiệp

Tình hình sản xuất công nghiệp của tỉnh năm 2019 đạt tốc độ tăng trưởng khá cao (19,38%), góp phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục xu hướng phát triển chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu toàn ngành.

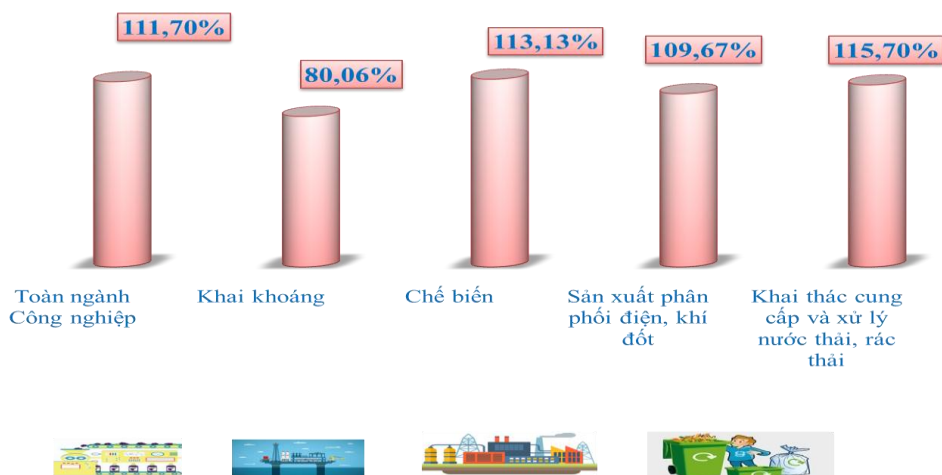
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 12/2019 ước đạt 100,73% so với tháng trước và 115,74% so với cùng kỳ năm trước, tức là tăng 0,73% so với tháng trước và tăng 15,74% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 2,25% so với tháng trước và giảm 25,42% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng: Ngành công nghiệp chế biến tăng 0,63%, tăng 17,35%; Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 1,59%, tăng 17,13%; Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,38%, tăng 49,65%.

Quý IV/2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước đạt 113,37% so với cùng kỳ năm trước, tức là tăng 13,37%. Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng giảm 25,32% so với cùng kỳ năm trước; tương ứng: Ngành công nghiệp chế biến tăng 14,66%; Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 14,98%; Ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 46,16%.

Tính chung cả năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 11,70% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến duy trì tốc

độ tăng trưởng cao 13,13%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,67%,; ngành khai khoáng giảm 19,94%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 15,70%.

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP NĂM 2019



Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất năm 2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước như: In, sao chép bản ghi các loại gấp 1 lần; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 78,28%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 68,50%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 49,56%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 1,79%; Sản xuất xe có động cơ tăng 1,36%; Sản xuất đồ uống giảm 44%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 25,43%; Khai khoáng khác giảm 19,94%.

Trong năm 2019, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản phẩm in khác (quy khổ 13cmx19cm) gấp gần 2,7 lần; Dịch vụ sản xuất giày, dép tăng 328,01%; Bao bì và túi bằng giấy nhẵn và bì nhẵn tăng 146,01%; Dịch vụ hoàn thiện đồ nội thất mới bằng gỗ và bằng các vật liệu tương tự tăng 93,38%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự tăng 2,75%; Thiết bị tín hiệu âm thanh khác tăng 1,36%; Giày, dép có đế hoặc mũ bằng da tăng 1,26%; Thanh, que bằng thép hợp kim khác giảm 59,78%; Dịch vụ sản xuất bao bì bằng kim loại giảm 32,39%; Nước tinh khiết giảm 20,94%; Đá xây dựng khác giảm 19,94%.

TỐC ĐỘ TĂNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂM 2019



Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 2,51% so với tháng trước, tăng 46,48% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 12 tháng năm 2019, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 87,06%; Dệt tăng 77,56%; Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 71,36%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 2,58%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 6,21%; Sản xuất xe có động cơ giảm 0,77%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 99,37% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao: Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 885,8%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 338,94%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 203,05%.

Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp tháng 12/2019 tăng 0,29% so với tháng trước, tăng 8,55% so với tháng cùng kỳ năm trước, cộng dồn 12 tháng giảm 1,15% so với cùng kỳ năm trước. So với tháng cùng kỳ năm trước, ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 28,79%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,69%, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 9,33% và ngành khai khoáng giảm 57,71%. Cộng dồn 12 tháng so với cùng kỳ năm trước, ngành khai khoáng giảm 29,28%, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,82%, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 1,03%, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,74%.

*** Phát triển điện năng**

Trong năm 2019 phát triển được 14,7 km đường dây trung thế; 43,63 km đường dây hạ thế; 102.095,8 KVA dung lượng trạm biến áp; số hộ có sử dụng điện lũy kế đến hết năm 2019 là 258.099 hộ (tăng thêm 3.295 hộ so cùng kỳ).

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm 2019 đã cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 1.080 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 13.189 tỷ đồng, tăng 8% về số doanh nghiệp và bằng 96% về số vốn đăng ký so với năm 2018, đạt 90% kế hoạch năm. Có 260 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn là 60 doanh nghiệp.

Nguyên nhân các doanh nghiệp giải thể, tạm ngưng hoạt động là do tiềm lực kinh tế của doanh nghiệp còn hạn chế, trình độ công nghệ lạc hậu, khả năng tiếp cận các nguồn vốn còn khó khăn, sức cạnh tranh yếu; trình độ năng lực của đội ngũ quản lý doanh nghiệp và trình độ tay nghề của người lao động còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Về thu hút FDI: Năm 2019 toàn tỉnh đã thu hút được 43 dự án với tổng vốn đăng ký là 304,7 triệu USD. Trong đó, có 22 dự án đầu tư đến từ Trung Quốc với tổng số vốn 46,9 triệu USD; 04 dự án đến từ Singapo với tổng số vốn 53,2 triệu USD; 01 dự án đến từ Hà Lan với tổng số vốn 75,6 triệu USD; 02 dự án đầu tư đến từ Seychelles với tổng số vốn 11,5 triệu USD; 02 dự án đến từ Anguilla với tổng số vốn 20 USD...

**** Xu hướng sản xuất kinh doanh***

Qua kết quả điều tra mẫu 65 doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, cho thấy có 29,23% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý IV/2019 tốt hơn quý III/2019; 20% số doanh nghiệp đánh giá khó khăn và 50,77% số doanh nghiệp đánh giá sản xuất ổn định. Dự kiến quý I/2020 so với quý IV/2019, có 44,62% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý IV/2019; 43,08% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 12,31% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn. Trong đó, khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh có đến 50% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2020 tốt hơn so với quý IV/2019.

Về số lượng đơn đặt hàng mới, có 28,13% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng quý IV/2019 cao hơn quý trước; 17,19% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm đi và 54,69% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng ổn định. Dự kiến quý I/2020 so với quý IV/2019, có 43,75% số doanh nghiệp dự báo có số đơn đặt hàng cao hơn; 43,75% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định và 12,5% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng giảm.

Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới, có 27,27% số doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng quý IV/2019 tăng hơn so với quý trước; 18,18% số doanh nghiệp đánh giá đơn đặt hàng giảm và 54,55% số doanh nghiệp đánh giá ổn định. Dự kiến quý I/2020 so với quý IV/2019, có 23,91% số doanh nghiệp dự báo có số đơn đặt hàng xuất khẩu mới cao hơn; 60,87% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định và 15,22% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng giảm.

Một số yếu tố ảnh hưởng nhiều đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo trong quý IV/2019, cụ thể: có 56,92% số doanh nghiệp

cho rằng khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa trong nước là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; 47,69% số doanh nghiệp cho rằng không tuyển dụng được lao động theo yêu cầu; 40% số doanh nghiệp đánh giá nhu cầu thị trường trong nước thấp; 35,38% số doanh nghiệp đánh giá khó khăn về tài chính và 26,15% số doanh nghiệp cho rằng lãi suất vay vốn cao...

5. Hoạt động dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

Tình hình lưu thông hàng hóa và dịch vụ ổn định. Các chương trình bình ổn thị trường, kích cầu tiêu dùng, cuộc vận động người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam được thực hiện hiệu quả, đã góp phần kiềm chế lạm phát, phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân. Trong năm 2019, đã phát triển thêm 01 siêu thị kinh doanh tổng hợp The Gold Mart; 33 cửa hàng tiện lợi Bách hóa xanh tham gia hệ thống bán lẻ tại các huyện, thị, thành phố... Đến nay, toàn tỉnh có 08 siêu, 03 trung tâm thương mại, hơn 30 nhà phân phối và 6.500 cửa hàng kinh doanh tạp hóa, cửa hàng tiện lợi đã góp phần thay đổi bộ mặt đô thị, gia tăng hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh.

Hợp tác thương mại, liên kết phát triển và các hoạt động kết nối cung cầu hàng hóa với Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tỉnh trong vùng. Hoạt động kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp tỉnh Bình Phước và tỉnh An Giang, có 15 bản ghi nhớ được ký kết. Hội nghị kết nối cung - cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành, tỉnh đã hỗ trợ 12 doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia trưng bày sản phẩm, các sản phẩm đặc trưng như hạt điều các loại, cà phê, nấm linh chi, các sản phẩm, rau, củ, quả các loại, giúp các doanh nghiệp kết nối cung cầu hàng hóa vào các hệ thống phân phối trong nước tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, như: các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại (Sài Gòn – Coop.mart, Big C, Satra, Hapro, Vinmart,...), hệ thống chợ (chợ đầu mối, chợ truyền thống...).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 12/2019 ước tính đạt 4.339,5 tỷ đồng, tăng 1,23% so với tháng trước và tăng 20,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 3.554,3 tỷ đồng, tăng 1,07%, tăng 22,72%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 454,9 tỷ đồng, tăng 2,26%, tăng 9,57%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 0,9 tỷ đồng, tăng 0,56% so với tháng trước, tăng 7,23% so cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ khác đạt 329,4 tỷ đồng, tăng 1,54% và tăng 10,27%.

Quý IV năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 12.821,9 tỷ đồng, tăng 19,56% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 10.505,5 tỷ đồng, tăng 22,26% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.3381,4 tỷ đồng, tăng 7,90%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 2,7 tỷ đồng, tăng 7,19%; doanh thu dịch vụ khác đạt 975,3 tỷ đồng, tăng 9,71%.

Năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước thực hiện được 47.991,3 tỷ đồng, tăng 11,52% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 39.004,8 tỷ đồng, tăng 13,21% (trong đó, ngành hàng đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 18,69%; lương thực, thực phẩm tăng 18,12%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 13,60%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 5.120,7 tỷ đồng, tăng 3,56%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 12,1 tỷ đồng, tăng 19,73%; doanh thu dịch vụ khác đạt 3.773,7 tỷ đồng, tăng 6,20%.



5.2. Hoạt động xuất, nhập khẩu

- Kim ngạch nhập khẩu: Ước thực hiện năm đạt 2.370 triệu USD, tăng 8,01% so cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch năm. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh đều tăng khá so cùng kỳ, như: Hạt điều nhân 98.000 tấn, tăng 12,58%,; sản và các sản phẩm từ sản 22 triệu USD, tăng 6,08%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 125 triệu USD, tăng 31,12%; hàng dệt may 230 triệu USD, tăng 9,84%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 40 triệu USD, tăng 41,54%; hàng hóa khác 167,5 triệu USD, tăng 56,54%.

- Kim ngạch nhập khẩu: Ước thực hiện năm đạt 1.450 triệu USD, tăng 5,43% so cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch năm. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong năm: Hạt điều thô 495.000 tấn, tăng 4,12%; hóa chất 9,6 triệu USD, tăng 235,7%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 7,5 triệu USD, tăng 9,71 lần; xơ, sợi dệt các loại 82 triệu USD, tăng 1,23%; vải các loại 78 triệu USD, tăng 2,36%; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày 24 triệu USD, tăng 650%; sắt thép các loại 50 triệu USD, tăng 3,95%; sản phẩm từ kim loại thường khác 7 triệu USD, tăng 133,33%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 5,5 triệu USD, cùng kỳ không thực hiện; hàng hóa khác 217 triệu USD, tăng 2,07%.

5.3. Giao thông vận tải - Bưu chính viễn thông

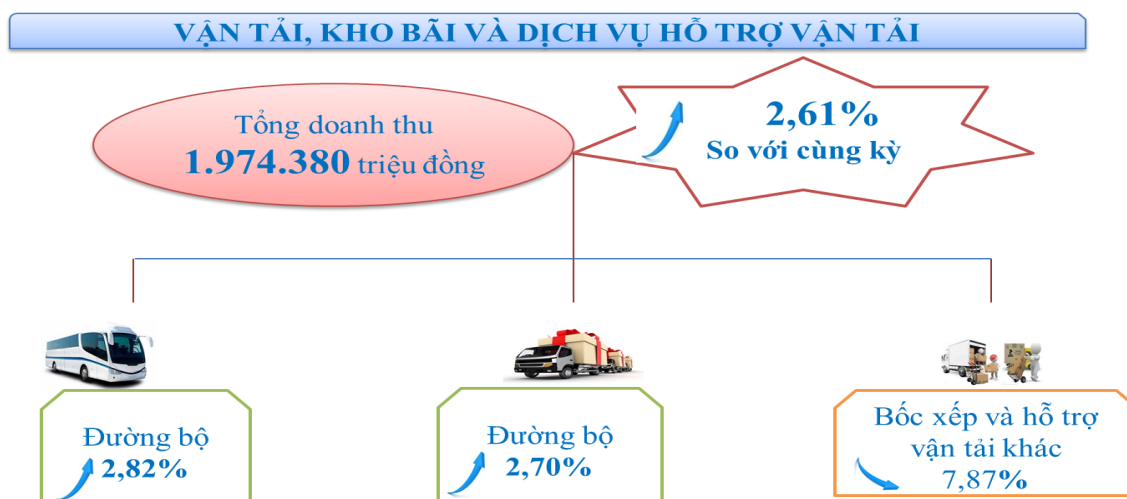
5.2.1. Giao thông vận tải

Hoạt động vận tải phát triển ổn định, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân và doanh nghiệp. Đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng giao thông quan trọng, các giải pháp đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình giao thông trọng điểm. Doanh thu vận tải, kho bãi và

dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 12 năm 2019 ước thực hiện 167,5 tỷ đồng, tăng 0,50% so với tháng trước và tăng 3,50% so với cùng kỳ năm trước. Quý IV ước thực hiện 499,2 tỷ đồng, tăng 2,86% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2019 ước thực hiện 1.974,4 tỷ đồng, tăng 2,61% so với cùng kỳ, trong đó: doanh thu vận tải hành khách ước thực hiện 1.201,7 tỷ đồng, tăng 2,82% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa ước thực hiện 745 tỷ đồng, tăng 2,70%; dịch vụ hỗ trợ vận tải ước thực hiện 27,7 tỷ đồng, giảm 7,87%.

+ Vận tải hành khách trong tháng 12/2019 ước thực hiện 1.178,15 ngàn HK và 144,54 triệu HK.km, so với tháng trước tăng 0,11% về vận chuyển, tăng 0,20% về luân chuyển, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,14% về vận chuyển, tăng 0,39% về luân chuyển. Quý IV vận tải hành khách ước thực hiện 3.526,26 ngàn HK và 432,32 triệu HK.km, so với cùng kỳ tăng 0,14% về vận chuyển, tăng 0,11% về luân chuyển. Tính chung trong năm 2019, vận tải hành khách ước thực hiện 13.956,07 ngàn HK và 1.698,01 triệu HK.km, tăng 1,40% về vận chuyển, tăng 1,85% về luân chuyển so với cùng kỳ năm trước.

+ Vận tải hàng hoá tháng 12/2019 ước thực hiện được 288,19 ngàn tấn và 19,80 triệu T.km, so với tháng trước tăng 0,44% về vận chuyển, tăng 0,94% về luân chuyển, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,57% về vận chuyển, tăng 1,32% về luân chuyển. Quý IV vận tải hàng hóa ước thực hiện 855,78 ngàn tấn và 58,57 triệu T.km, so với cùng kỳ giảm 0,36% về vận chuyển, tăng 1,56% về luân chuyển. Tính chung trong năm 2019, vận tải hàng hoá ước thực hiện được 3.337,2 ngàn tấn và 227,21 triệu T.km, tăng 1,19% về vận chuyển, tăng 1,62% về luân chuyển so với cùng kỳ năm trước.



Công tác tuần tra, kiểm soát được duy trì thường xuyên, đã kịp thời xử lý xe quá tải, quá khổ lụu thông trên các tuyến đường, giải tỏa các tụ điểm lấn chiếm lòng lề đường nhằm đảm bảo tối đa an toàn giao thông. Lực lượng thanh tra giao thông đã phối hợp với lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát trật tự cùng các địa phương giải tỏa các tụ điểm lấn chiếm lòng lề đường; tăng cường tuần tra, kiểm soát, kiểm tra và xử lý nghiêm các phương tiện chở quá số người quy định, chạy sai lịch trình, hành trình vận tải.

5.2.2. Bưu chính, viễn thông

- Lĩnh vực bưu chính: Hiện có 11 doanh nghiệp bưu chính đang hoạt động, tăng thêm 01 doanh nghiệp so với năm trước; không có doanh nghiệp ngừng hoạt động. Với 157 điểm phục vụ bưu chính (trong đó Bưu cục 61, Bưu điện văn hóa xã 56 và 40 thùng thư công cộng) bán kính phục vụ trung bình 3,73 km, đáp ứng 100% số xã được phục vụ bưu chính. Trong năm tăng thêm 12 điểm phục vụ bưu chính (gồm: 12 bưu cục, 02 bưu điện văn hóa xã và giảm 02 thùng thư công cộng). Doanh thu lĩnh vực bưu chính năm 2019 ước đạt 221,1 tỷ đồng tăng 72,46 % so với cùng kỳ.

- Lĩnh vực viễn thông: Số thuê bao điện thoại 1.453.116 thuê bao, trong đó: Điện thoại cố định 16.982 thuê bao; điện thoại di động trả sau 90.451 thuê bao; điện thoại di động trả trước 1.345.683 thuê bao; đạt tỷ lệ 148,34 thuê bao/100 dân; Tổng số trạm phát sóng thông tin di động: 1.663 trạm. Số thuê bao Internet 730.989 thuê bao, đạt tỷ lệ 74,61 thuê bao/100 dân; Số thuê bao truyền hình trả tiền tại tỉnh 121.210 thuê bao, đạt 12,06 thuê bao/100 dân.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm

1.1. Ngân hàng

Tổng nguồn vốn huy động tại chỗ đến cuối tháng 12/2019 ước đạt 34.500 tỷ đồng, so với cuối năm 2018 tăng 3.942 tỷ đồng, tăng 12,90%. Trong đó, tiền gửi ĐVN chiếm tỷ lệ 98,32%, tiền gửi ngoại tệ chiếm 1,68%; tiền gửi tiết kiệm chiếm 66,84%, tiền gửi thanh toán chiếm 31,04%, phát hành giấy tờ có giá chiếm 2,12%. Tiền gửi trên 12 tháng chiếm tỷ lệ khoảng 15%/tổng nguồn vốn huy động.

Dư nợ tín dụng đến cuối tháng 12/2019 ước đạt 72.400 tỷ đồng, so với cuối năm 2018 tăng 11.037 tỷ đồng, tăng 17,99%. Trong đó, cho vay ngắn hạn chiếm 72,24%; trung, dài hạn chiếm 27,76%; cho vay bằng đồng Việt Nam chiếm 90,20%, cho vay bằng ngoại tệ chiếm 9,80%.

Nợ xấu tiếp tục được kiểm soát, tính đến cuối tháng 12/2019 tỷ lệ nợ xấu khoảng 0,57%/tổng dư nợ. Các tổ chức tín dụng trên địa bàn tập trung vốn cho vay các ngành kinh tế có lợi thế của địa phương, cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch...

1.2 Bảo hiểm

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội tỉnh, tính đến hết ngày 30/11/2019, số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN: 836.936 người, tăng 34.492 người (4,3%) so cùng kỳ năm trước. Trong đó, tham gia BHXH, BHYT, BHTN bắt buộc: 129.167 người; tham gia BHXH tự nguyện: 3.904 người và chỉ tham gia BHYT: 703.865 người.

Tổng số thu tính đến ngày 30/11/2019: 2.526.036 triệu đồng, tăng 270.282 triệu đồng (12%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Thu BHXH,

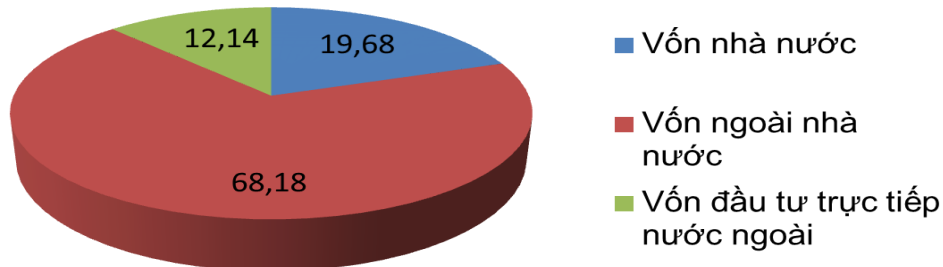
TNLD-BNN bắt buộc: 1.664.578 triệu đồng, tăng 185.710 triệu đồng (12,6%); bảo hiểm thất nghiệp: 123.202 triệu đồng, tăng 13.969 triệu đồng (12,8%); BHXH tự nguyện: 12.885 triệu đồng, tăng 8.198 triệu đồng (175%); bảo hiểm y tế: 722.935 triệu đồng, tăng 62.816 triệu đồng (9,5%); lãi chậm đóng là 2.718 triệu đồng.

Tổng số chi tính đến ngày 30/11/2019: 2.918.874 triệu đồng, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Chi BHXH, BHTN: 1.233.041 triệu đồng, tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: (Chi BHXH từ ngân sách Nhà nước: 124.084 triệu đồng, tăng 3%; Chi BHXH từ nguồn quỹ BHXH: 1.007.332 triệu đồng, tăng 15%; Chi BHTN: 101.625 triệu đồng, tăng 22%); Chi KCB BHYT trong tỉnh: 1.685.833 triệu đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước.

2. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2019 ước đạt 21.643,8 tỷ đồng, tăng 8,44% so với cùng kỳ, trong đó: nguồn vốn ngân sách nhà nước 3.541,2 tỷ đồng, tăng 74,44% so với cùng kỳ và chiếm 16,36% tổng nguồn vốn; vốn ngoài nhà nước 14.756,1 tỷ đồng, tăng 41,75%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 2.627,2 tỷ đồng, tăng 75,72%.

Cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2019
(ĐVT: %)



Giải ngân vốn đầu tư công: Tổng kế hoạch vốn giao năm 2019 là 4.007,6 tỷ đồng, ước thực hiện giải ngân cả năm được 80,3% kế hoạch năm. Trong đó, vốn ngân sách trung ương kế hoạch vốn điều chỉnh 582,328 tỷ đồng, ước thực hiện giải ngân cả năm đạt 97%; vốn ngân sách địa phương kế hoạch vốn điều chỉnh 3.425,287 tỷ đồng, ước thực hiện giải ngân cả năm đạt 77,5%.

Năm 2019, tỉnh tập trung nguồn vốn thực hiện công tác đền bù và giải phóng mặt bằng, tiếp tục xây dựng các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Đối với các công trình dự án đang thực hiện, tỉnh đã chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và tiến độ giải ngân các công trình như: Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa tỉnh từ 300 giường lên 600 giường bệnh. Đường giao thông nông thôn Bom Bo - Đak Nhai; Đường ĐT 760 nối dài từ xã Phú Nghĩa đi xã Đa Kìa; Láng nhựa đường từ ngã 3 Phước Lộc đi bến đò xã Phước Tín; ; Đường từ An Khương - Trà Thanh - Thanh An huyện Hớn Quản; Đường vào

khu nhà ở xã hội xã Tiên Hưng, TP Đồng Xoài; Đường giao thông liên xã Long Hà đi Long Bình, huyện Phú Riềng; Nâng cấp mở rộng ĐT 759B đoạn trung tâm xã Thiện Hưng đi trung tâm xã Phước Thiện, huyện Bù Đốp; Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp; Xây dựng hàng rào dự án khu di tích lịch sử Bộ chỉ huy miền Tà Thiết (giai đoạn 2)...

3. Thu, chi ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước năm 2019 là 9.054 tỷ đồng, đạt 100,60% so với dự toán năm, tăng 9,36% so với cùng kỳ, trong đó:

- Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước ước 8.285 tỷ đồng, đạt 100,06% so kế hoạch HĐND giao, tăng 10,50% so cùng kỳ. Trong thu từ sản xuất kinh doanh trong nước: thu từ doanh nghiệp nhà nước ước 1.040 tỷ đồng, đạt 111,83% so kế hoạch HĐND giao, tăng 15,13% so với cùng kỳ; thu từ kinh tế ngoài quốc doanh ước 1.240 tỷ đồng, đạt 91,18% so kế hoạch HĐND, tăng 6,09% so với cùng kỳ; thu tiền sử dụng đất 2.572,6 tỷ đồng, đạt 95,82% so kế hoạch, tăng 11,85% so cùng kỳ; thu xổ số kiến thiết ước 600 tỷ đồng, đạt 105,45% so kế hoạch HĐND giao, tăng 31,72% so với cùng kỳ.

- Thu thuế xuất, nhập khẩu ước 754 tỷ đồng, đạt 107,71% so kế hoạch HĐND giao, tăng 7,17% so với cùng kỳ.

Nhìn chung tình hình thu ngân sách năm 2019 ổn định, nguyên nhân là do tỉnh đã có nhiều chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: dự án khu công nghiệp - đô thị Becamex-Bình Phước, dự án khu công nghiệp Minh Hưng-Sikico, dự án khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn II) và các dự án điện năng lượng mặt trời... Ngoài ra, các địa phương, các đơn vị tập trung tổ chức thu các loại thuế còn phải nộp sau quyết toán thuế năm 2018 chuyển sang, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên cũng còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến kết quả thu năm 2019, như: Giá bán các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như đi ề, cao su, hồ tiêu... tiếp tục biến động giảm, khả năng phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp gia công, chế biến và kinh doanh nông sản không bán được hàng, không phát sinh doanh thu, không phát sinh thuế GTGT phải nộp hoặc giảm so cùng kỳ như: Công ty cao su Lộc Ninh, Công ty cao su Sông bé, Công ty cao su Bình Phước, Cty TNHH Luyện kim Thăng Long, Công ty Linh Hương ...

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương năm 2019 ước thực hiện 12.065,5 tỷ đồng, đạt 98,89% so với dự toán năm, tăng 5,74% so với cùng kỳ, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 3.217,8 tỷ đồng, đạt 80,29% dự toán, tăng 2,98% so với cùng kỳ; riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 3.217,8 tỷ đồng, đạt 80,29% dự toán, tăng 2,98% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 7.028 tỷ đồng, đạt 99,26% dự toán, tăng 16,12% so với cùng kỳ, đã đáp ứng yêu cầu chi tiền lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức, các khoản an sinh xã hội, phòng ngừa dịch bệnh...

4. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2019 tăng 1,70% so với tháng trước, tăng 4,87% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá bình quân quý IV so cùng kỳ năm trước tăng 1,03%; Tính chung cả năm 2019, chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 2,30% so với cùng kỳ năm 2018.



Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 8 nhóm mặt hàng tăng so với tháng trước, với mức tăng như sau: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,56% (trong đó: Lương thực tăng 0,11%; thực phẩm tăng 4,88%); May mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,16%; Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,27%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,27%; Giao thông tăng 0,75%; Giáo dục tăng 0,28%; Văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,06%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,07%. Có 02 nhóm hàng ổn định là nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm bưu chính viễn thông. Có 01 nhóm hàng giảm: Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,17%.

Nguyên nhân làm giảm CPI tháng 12 năm 2019

Trong tháng 12/2019 giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng, giảm 2 lần, cụ thể: Giá xăng A95 tăng 703 đ/lít, xăng E5 tăng 391 đ/lít, Dầu Diêzen tăng 14 đ/lít, dầu hỏa giảm 61 đ/lít. Mặt hàng xăng, dầu Diêzen tác động tăng 0,08% vào chỉ số tăng chung CPI.

Giá gas tháng 12/2019 tăng 3.500đ/bình/12kg so với tháng trước theo công bố của tập đoàn cung cấp gas miền nam. Cũng tác động tăng chung CPI tháng 12 là 0,01% so với tháng trước.

Các mặt hàng thực phẩm tươi sống tăng lên so với tháng trước. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 4,88%, hầu hết các mặt hàng trong nhóm thực phẩm đều tăng. Do nhu cầu tiêu dùng của người dân, giá các loại thịt tăng: Thịt heo các loại, thịt bò, các loại thịt chế biến như nội tạng động vật chấ các loại v.v.... Nguyên nhân là do vừa qua một số tỉnh trong nước heo bị bệnh dịch lợn châu phi trong đó có tỉnh Bình Phước làm lượng heo giảm mạnh. Đến nay sản lượng thịt heo không đủ cung cấp ra thị trường từ đó giá thịt heo tháng này tăng lên cao so với tháng trước là 23,56%. Bên cạnh đó giá các loại thủy hải sản cũng tăng 1,65% so với tháng trước. Mặt khác giá các loại rau tăng lên 0,99% so với tháng trước. Nguyên nhân là do thời tiết, khí hậu nắng, nóng làm cho năng xuất các loại rau củ quả giảm dẫn đến giá cả các loại rau tăng lên so với tháng trước.

Giá vàng và đô la Mỹ: Chỉ số giá vàng tháng 12/2019 giảm 0,05% so với tháng trước; tăng 18,46% so với tháng 12/2018; chỉ số giá bình quân quý IV/2019 so với cùng kỳ tăng 1,19%; tính chung cả năm 2019 chỉ số giá vàng tăng 8,76% so với cùng kỳ. Chỉ số Đô la Mỹ tháng 12/2019 giảm 4,31% so với tháng trước; giảm 4,71% so với tháng 12/2018; chỉ số giá bình quân quý IV/2019 tăng 0,98% so với cùng kỳ; tính chung cả năm 2019 chỉ số Đô la Mỹ tăng 0,56% so với cùng kỳ.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Lao động, việc làm và đời sống dân cư

1.1. Công tác lao động - việc làm

Dân số trung bình trên địa bàn tỉnh năm 2019 ước 997.766 người, tăng 1,31% so với năm 2018. Lực lượng lao động của tỉnh ước năm 2019 là 597.350 người, tăng 1,19% tương ứng tăng khoảng 7.021 người so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó: nữ là 279.124 người; khu vực thành thị là 172.557 người.

Cơ cấu lao động có việc làm có sự chuyển dịch rõ theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm tỷ trọng lao động làm việc trong nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tỷ lệ lao động đang làm việc tăng 1,20%, tương ứng tăng khoảng 6.859 lao động so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, tỷ lệ lao động đang làm việc trong khu vực kinh tế Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 0,40%; khu vực kinh tế Công nghiệp và xây dựng tăng 2,97%; khu vực kinh tế Dịch vụ tăng 1,40%.

Tỷ lệ lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc của tỉnh chiếm 97,17% trong lực lượng lao động, tỷ lệ thất nghiệp là 2,53%. So với năm 2018 (tỷ lệ thất nghiệp là 3,02%) giảm 0,49%. Nguyên nhân giảm là do các dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đi vào hoạt động ổn định và mạnh dạn mở rộng sản xuất kinh doanh trong những tháng cuối năm 2019. Mặt khác, hiện nay đã vào cuối mùa thu hoạch cao su của các hộ cao su tiêu điền, công ty cao su do tỉnh quản lý; công ty cao su thuộc khu vực nhà nước do trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh tập trung khai thác mỏ trong kế hoạch của năm 2019.

Ước năm 2019, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 43.590/35.000 lao động, đạt 124,54% kế hoạch năm; đào tạo nghề cho 7.749/6.000 lao động, đạt 129,15% kế hoạch năm. Tổ chức tư vấn, giới thiệu nghề và việc làm cho 15.576 lao động; giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp hàng tháng cho 9.085 lao động; tổ chức 5 phiên giao dịch việc làm với sự tham gia của 52 doanh nghiệp (có nhu cầu tuyển dụng 16.240 lao động) và 4.528 lao động tham gia, số lao động được giới thiệu việc làm tại phiên giao dịch việc làm là 267 lao động.

1.2. Đời sống dân cư

Nhìn chung đời sống của dân cư vẫn ổn định và phát triển tuy gặp khó khăn, nhưng nhân dân tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các chế độ tiền lương, chính sách đối với đời sống cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh vẫn được đảm bảo, chế độ nâng lương định kỳ, bảo hiểm xã hội... góp phần ổn định hơn về đời sống vật chất, tinh thần, yên tâm trong công tác.

Từ tháng 7/2019, lương đối với công chức, viên chức và lực lượng vũ trang tăng từ 1.390.000 đ/tháng lên 1.490.000đ/tháng (Nghị định 38/2019/NĐ-CP) đã góp phần nâng cao thu nhập, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Tình hình tinh giản biên chế, chấm dứt hợp đồng lao động dôi dư cũng đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý công nhân viên chức, người lao động.

Đối với người lao động trong các khu công nghiệp: Mức lương bình quân của doanh nghiệp trong nước khoảng 6.200.000đ/tháng, của doanh nghiệp nước ngoài khoảng 6.900.000đ/tháng.

Đời sống dân cư nông thôn vẫn ổn định thu nhập bình quân đầu người tăng qua từng năm, cụ thể: năm 2017 thu nhập bình quân đầu người 40,8 triệu đồng/người/năm; năm 2018 thu nhập bình quân đầu người 43,3 triệu đồng/người/năm; năm 2019 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 44,4 triệu đồng/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người năm sau cao hơn năm trước, tình hình an ninh - chính trị ổn định. Đã chứng minh được tình hình đời sống nhân dân ngày càng cải thiện, nhân dân không những có của ăn mà còn tích lũy.

1.3. Tình hình thiếu đói

Công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhất là các chính sách ưu đãi, trợ giúp các xã đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách, người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nhiều cơ sở hạ tầng, kỹ thuật mới được đưa vào khai thác, sử dụng; nên đời sống dân cư cơ bản ổn định. Theo báo cáo sơ bộ từ các địa phương, tính đến ngày 15/12 toàn tỉnh không có hộ thiếu đói.

2. Công tác an sinh xã hội

2.1. Công tác giảm nghèo

Ngành Lao động thương binh và Xã hội hội hợp với các cơ quan chức năng đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo. Triển khai, hướng dẫn các huyện Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đồng Phú xây dựng mô hình giảm nghèo năm 2019; hưởng ứng phong trào thi đua “Xây dựng nông thôn mới và xóa 1.000 hộ dân tộc thiểu số nghèo”. Kiểm tra, xác minh hoàn cảnh hộ nghèo, cận nghèo tại một số xã; kiểm tra mô hình giảm nghèo chăn nuôi dê sinh sản tại huyện Lộc Ninh.

Theo kết quả rà soát hộ nghèo sơ bộ, năm 2019 toàn tỉnh giảm 1,19% tỷ lệ hộ nghèo, đạt 238% so với kế hoạch năm (tỷ lệ hộ nghèo từ 3,55% tổng số hộ dân đầu năm 2019 xuống còn 2,36%).

2.2. Công tác bảo trợ xã hội

Thực hiện trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 19.013 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí là 90.237.384.000 đồng và đảm bảo 100% đối tượng này đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế; trợ giúp đột xuất 286.530 kg gạo, với tổng kinh phí là 2.664.767.940 đồng.

Trung tâm Dịch vụ Việc làm và Bảo trợ xã hội tỉnh tiếp nhận 09 đối tượng, đón tiếp 72 đoàn khách đến thăm và tặng quà; hiện Trung tâm quản lý nuôi dưỡng tập trung 46 đối tượng. Trung tâm đã hỗ trợ tâm lý cho 05 đối tượng trẻ em bị dâm ô, xâm hại; phối hợp với các đơn vị liên quan trợ giúp các đối tượng, giúp họ giảm bớt khó khăn, tạo động lực vươn lên trong cuộc sống; ngoài ra, đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 09 đợt tuyên truyền phòng chống tai nạn thương tích, bạo lực học đường, xâm hại tình dục với 6.900 học sinh tham dự.

2.3. Công tác thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết cho đối tượng chính sách có công với cách mạng: 1.595 hồ sơ đối tượng; tổ chức điều dưỡng tập trung 908 đối tượng; hỗ trợ xây và sửa chữa 26 căn nhà, với tổng kinh phí là 1.077.500.000 đồng từ nguồn vận động. Phục vụ lễ viếng, truy điệu, an táng 68 hài cốt liệt sỹ và dâng hương viếng các anh linh liệt sỹ tại Nghĩa trang liệt sỹ tỉnh. Ngoài ra, nhân dịp tết Nguyên đán Kỷ Hợi 2019 và kỷ niệm 72 năm ngày Thương binh Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2019) đã tổ chức thăm, tặng 47.833 phần quà cho đối tượng chính sách người có công với cách mạng, với tổng kinh phí là 16.472.235.000 đồng.

3. Giáo dục, đào tạo

Trong năm 2019, toàn ngành giáo dục và đào tạo đã tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của tỉnh. Kết quả năm học 2018-2019 đạt nhiều thành tích nổi bật: Số học sinh bỏ học trong năm học 2018-2019: 533 học sinh (giảm 40 học sinh so với năm học 2017-2018); xếp loại học lực của học sinh: THPT: tỷ lệ học sinh xếp loại từ Trung bình trở lên đạt 96,4%, THCS: học sinh xếp loại từ Trung bình trở lên đạt 92,6%, Tiểu học: học sinh được xếp loại Hoàn thành đạt khoảng 99,1%. Tại kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 12 cấp tỉnh có 742 học sinh đạt giải, đội tuyển học sinh của tỉnh dự kỳ thi học sinh giỏi THPT cấp

quốc gia đạt 49 giải, gồm 05 giải Nhì, 24 giải Ba và 20 giải Khuyến khích; toàn tỉnh có 9.106 thí sinh đỗ tốt nghiệp trên tổng số 9.479 thí sinh dự thi, đạt 96,06%.

Về công tác phổ cập giáo dục, đến cuối năm học có 11/11 huyện/thị xã và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 110/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 14/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập THPT. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được tiếp tục đẩy mạnh, ước đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 142/435 trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 32,64%.

4. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác mạng lưới y tế, biên chế, đào tạo cán bộ, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tiếp tục thực hiện theo quy định. Tình hình dịch bệnh được kiểm soát chặt chẽ, nhất là dịch sốt rét, sốt xuất huyết, tay chân miệng; An toàn vệ sinh thực phẩm cơ bản được đảm bảo, không có vụ ngộ độc thực phẩm lớn xảy ra.

Trong năm, toàn tỉnh có 353 ca mắc sốt rét, giảm 69,6% so cùng kỳ, tử vong: 01 ca (năm 2018 tử vong: 00 ca); 8.641 ca mắc sốt xuất huyết, tăng 129,8% so với cùng kỳ (tử vong 03 ca, tăng 02 ca so cùng kỳ); 1.336 ca mắc bệnh tay chân miệng (không có tử vong); 1.735 ca mắc bệnh tiêu chảy; số ca mắc bệnh dại là 01 ca, tử vong 01 ca, nguyên nhân do người bệnh không tiêm phòng ngừa khi bị chó cắn. Trong năm, đã xảy ra dịch sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh với diễn biến phức tạp, số ca mắc tăng cao ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố... Trước tình hình trên Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra chỉ thị về việc tăng cường công tác phòng, chống sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh; nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch, kiên quyết không để dịch bùng phát, lan rộng và kéo dài.

5. Hoạt động văn hóa, thể thao

Trong năm 2019, ngành Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã triển khai thực hiện có hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương và nâng cao đời sống tinh thần nhân dân.

Công tác tuyên truyền: Kết quả in ấn và trang trí được: 22.965m băng rôn; 28.165m² panô; 16.787m² pano, treo 38.259 lượt cờ các loại; 18.000m cờ dây; 6.000m đèn điện tử; phát hành 300 tờ rơi; tổ chức và tham gia 27 cuộc triển lãm hơn 2.000 hình ảnh, 800 hiện vật về thành tựu kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh và tuyên truyền được 6.690 giờ trên hệ thống đèn điện tử; 986 giờ bằng xe tuyên truyền lưu động.

Bảo vệ và phát huy di sản văn hóa dân tộc: Tổ chức giao lưu nhân chứng lịch sử trưng bày chuyên đề “Đường Trường Sơn - Con đường huyền thoại”; Lễ Khánh thành giai đoạn 2 Di tích quốc gia đặc biệt Căn cứ Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam (Tà Thiết) và họp mặt truyền thống Bình

Phước - Bình Dương (Sông Bé) nhân kỷ niệm 44 năm Ngày giải phóng tỉnh Bình Phước (23/3/1975 - 23/3/2019). Trong năm 2019, các bảo tàng, nhà truyền thống và di tích đón tiếp 869 đoàn và thu hút hơn 111.400 lượt khách tham quan (trong đó Di tích Căn cứ Tà Thiết đón 295 đoàn, với hơn 25.700 lượt khách).

Nghệ thuật biểu diễn và hoạt động quần chúng: Đoàn Ca múa nhạc dân tộc tỉnh tổ chức được 96 buổi biểu diễn phục vụ hơn 65.000 lượt người xem. Trung tâm Văn hóa tỉnh tuyên truyền lưu động phục vụ cơ sở được 101 buổi, thu hút hơn 30.500 lượt khán giả; chiếu phim lưu động phục vụ nhân dân được 602 buổi, phục vụ hơn 69.000 lượt người xem.

Hoạt động thư viện: Duy trì trao đổi báo, tạp chí địa phương với thư viện các tỉnh miền Đông và Cục Nam Trung Bộ. Trong năm 2019, Thư viện tỉnh đã bổ sung trên 18.807 bản sách, trong đó vận động tài trợ 8.361 bản sách, cấp 174 thẻ (cấp mới 111 thẻ và gia hạn 63 thẻ), phục vụ được 1.780.410 lượt bạn đọc, luân chuyển 232.336 lượt sách, báo, tạp chí.

Thể dục thể thao: Tổ chức thành công giải Vô địch Việt dã leo núi toàn quốc "Chinh phục đỉnh cao Bà Rá" lần thứ 25; giải Billiards & Snooker Vô địch quốc gia (Vòng 1) năm 2019; giải Vô địch Cờ tướng cụm miền Đông Nam Bộ năm 2019; tổ chức các trận bóng đá trong khuôn khổ giải Bóng đá hạng Nhất quốc gia và Cúp quốc gia năm 2019; phối hợp tổ chức Giải Xe đạp truyền hình Bình Dương mở rộng. Các đội tuyển thể thao tỉnh tham gia 63 giải thể thao quốc tế, toàn quốc và khu vực đạt 284 huy chương (trong đó 65 HCV, 76 HCB, 143 HCD).

Hoạt động du lịch: Với lượt khách tham quan khoảng 912.270 lượt khách (tăng 81% so với cùng kỳ 2018). Trong đó: Khách nội địa: 879.860 lượt khách (tăng 85%); khách quốc tế: 32.410 lượt khách (tăng 11%); doanh thu đạt khoảng 570,7 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ 2018).

6. Tai nạn giao thông

Trong tháng 12/2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 21 vụ tai nạn giao thông, làm 17 người chết, 15 người bị thương. Quý IV/2019, đã xảy ra 71 vụ, làm 41 người chết và 62 người bị thương. Tính chung cả năm 2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 252 vụ tai nạn giao thông, làm 163 người chết, 189 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông năm 2019 giảm 3,82%; số người chết giảm 9,44%; số người bị thương bằng năm 2018.

Trong năm, lực lượng cảnh sát giao thông đã phát hiện 78.884 trường hợp vi phạm TTATGT, tạm giữ 14.541 phương tiện, tước 5.370 GPLX, cảnh cáo 1.860 trường hợp, xử lý hành chính 65.099 trường hợp. Số tiền nộp kho bạc nhà nước 52,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là chạy quá tốc độ (6.734 trường hợp), không có giấy phép lái xe (8.446 trường hợp), không đội mũ bảo hiểm (11.613 trường hợp) và không đi đúng làn đường quy định (3.188 trường hợp).

7. Thiệt hại thiên tai

Trong tháng 12/2019 trên địa bàn tỉnh không xảy ra thiên tai. Tính chung 12 tháng năm 2019, thiên tai do mưa to kèm gió lốc xoáy đã xảy ra trên địa bàn tỉnh làm thiệt hại, cụ thể:

Về người: 01 trẻ em chết khi đang chơi gần khe suối nên bị nước cuốn trôi do mưa lớn kèm nước chảy xiết; 03 người bị thương nhẹ do sập nhà, 02 người bị nước lũ cô lập; 18 người bị kẹt bên kia suối do nước lũ dâng cao đã được lực lượng cứu hộ kịp thời đưa vào và di dời 130 hộ dân đến nơi an toàn.

Về nhà: Thiên tai đã làm 172 căn nhà bị tốc mái; 190 căn bị ngập trong nước lũ (trong đó: 03 căn bị ngập hoàn toàn, 01 căn bị cuốn trôi).

Về cây trồng: Thiệt hại 862,4 ha cây lâu năm, trong đó: Điều 767,05 ha; tiêu 33,85 ha; cao su 42,6 ha; sầu riêng 1,2 ha và 17,7 ha cây ăn trái. Lúa: 39,48 ha; rau màu các loại 20,3 ha.

Về chăn nuôi: thiệt hại 1.178 con gia súc, gia cầm.

Về thủy sản: 6,35 ha nuôi cá thiệt hại trên 70%.

Về công trình giao thông: 02 cái cống bị hư hỏng.

Tổng giá trị thiệt hại do thiên tai gây ra trong 11 tháng ước tính khoảng 16,9 tỷ đồng.

Các cấp, các ngành đã khắc phục hậu quả khi thiên tai xảy ra. Đồng thời các xã chủ động phối hợp nhân dân thực hiện phương án tại chỗ, huy động dân quân tự vệ, đoàn thanh niên hỗ trợ khắc phục hậu quả, để giúp các hộ dân kịp thời ứng cứu khi cần thiết, nhằm từng bước ổn định đời sống cho người dân bị thiệt hại.

8. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng 12/2019, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 05 vụ cháy làm thiệt hại khoảng 350 triệu đồng (trong đó: 01 vụ cháy nhà xưởng đang trong quá trình thi công của công ty TNHH CPV Foods Thái Lan - KCN Becamex Bình Phước thuộc ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành do chập điện; 01 vụ cháy tại Công ty TNHH Busung Vina thuộc KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, ấp 3A, Minh Hưng, huyện Chơn Thành; cháy xe ô tô chở khách 24 chỗ tại khu vực xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng). Tính chung cả năm 2019, toàn tỉnh đã xảy ra 19 vụ cháy không có thiệt hại về người, giảm 29,63% so với cùng kỳ; giá trị thiệt hại ước 3.964 triệu đồng.

Trong tháng 12/2019, các cơ quan chức năng đã phát hiện 40 vụ vi phạm môi trường, tiến hành xử lý 06 vụ vi phạm với số tiền xử phạt là 44 triệu đồng. Tính chung cả năm 2019 đã phát hiện 352 vụ vi phạm môi trường, tiến hành xử lý 318 vụ với tổng số tiền 3.397 triệu đồng. Các vụ vi phạm môi trường chủ yếu là các hành vi vận chuyển lâm sản trái phép, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, không xây dựng đề án bảo vệ môi trường, các hành vi vi phạm quy

định về quản lý chất thải, thực hiện không đủ các nội dung trong bản cam kết bảo vệ môi trường...

Đánh giá chung:

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh tiếp tục chuyển biến tích cực với mức tăng trưởng khá cao.

Sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá, cùng với sự phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng đi đôi với việc thực hiện tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát và nhu cầu tiêu dùng, sức mua của xã hội; Giao thông vận tải đảm bảo nhu cầu vận chuyển hàng hoá và nhu cầu đi lại của nhân dân.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề đạt chỉ tiêu đề ra; công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo được các cấp các ngành và toàn xã hội quan tâm; công tác văn hoá xã hội có nhiều hoạt động thiết thực; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên; công tác khám chữa bệnh vẫn được duy trì tốt; công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế như: Mưa to, lốc xoáy gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh như điều, cao su, hồ tiêu tiếp tục giảm, khả năng hồi phục chậm; dịch tả lợn Châu Phi diễn ra phức tạp, lây lan trên diện rộng; tình hình sốt xuất huyết tăng cao và diễn biến phức tạp ở hầu hết các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh; hạ tầng thương mại còn hạn chế.

Trên đây là một số tình hình cơ bản về kinh tế - xã hội tỉnh Bình Phước trong năm 2019./.

Nơi nhận:

- Vụ Tổng hợp-TCTK;
- Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Bao Văn Tâm